

**CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ THÀNH ANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ THÀNH ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH ANH SERVICES DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THANH ANH SD CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0106935356

**3. Ngày thành lập:** 12/08/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 103 + 203 nhà A4, phố Lạc Chính, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Nuôi trồng thủy sản biển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 0321        |
| 2.  | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 0322        |
| 3.  | Sản xuất giống thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0323        |
| 4.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1020        |
| 5.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5610        |
| 6.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5630        |
| 7.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4632        |
| 8.  | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4641        |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da, và giả da khác;<br>bán buôn dụng cụ y tế; bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và<br>chế phẩm vệ sinh; bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; bán buôn<br>đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; bán buôn giường, tủ, bàn<br>ghế và đồ dùng nội thất tương tự; bán buôn sách báo, tạp chí,<br>văn phòng phẩm; bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; | 4649        |
| 10. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4651        |
| 11. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4652        |
| 12. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo<br>tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng ô tô                                                                                                                                                                                                            | 4932        |
| 13. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4933        |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được<br>phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh./.<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh<br>nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của<br>pháp luật)                                                                                                                                             | 8299        |
| 15. | Hoạt động trung gian tiền tệ khác<br>Chi tiết: Đại lý đổi ngoại tệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6419        |
| 16. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu,<br>chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6810(Chính) |
| 17. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng<br>đất<br>Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; dịch vụ tư vấn bất<br>động sản; dịch vụ quản lý bất động sản.                                                                                                                                                                                                                                               | 6820        |
| 18. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7710        |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

## **7. Danh sách thành viên góp vốn:**

Thời gian đăng từ ngày 18/08/2015 đến ngày 30/09/2015

| STT | Tên thành viên   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ(%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN ĐÌNH VIỆT | Số 19, ngõ 75 Hồng Hà, Phường Phúc Xá, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | 10.000.000.000        | 50,00    | 027078000060                                                                                                                                      |         |
| 2   | HOÀNG THỊ HIẾU   | Số 19, ngõ 75 Hồng Hà, Phường Phúc Xá, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | 10.000.000.000        | 50,00    | 020176000004                                                                                                                                      |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH VIỆT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 12/05/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 027078000060

Ngày cấp: 12/06/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 19, ngõ 75 Hồng Hà, Phường Phúc Xá, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 103 + 203 nhà A4, phố Lạc Chính, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội